

HOẠT ĐỘNG NHẬP THỂ CỦA PHẬT GIÁO NAM TÔNG CỦA NGƯỜI KHMER TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Tóm tắt: Phật giáo Nam tông ở Việt Nam thường được gắn với tộc người Khmer ở Nam Bộ. Trong xu hướng nhập thể của Phật giáo nói chung, Phật giáo Nam tông ở Nam Bộ đã có những hoạt động tích cực để định hướng các giá trị sống cho các Phật tử nói riêng và người mến mộ Phật giáo nói chung. Tuy nhiên, khi đề cập đến sinh hoạt tôn giáo của Phật giáo Nam tông ở Nam Bộ, các công trình nghiên cứu thường đề cập đến khu vực Tây Nam Bộ mà ít nói đến Thành phố Hồ Chí Minh do số lượng người Khmer tại Thành phố Hồ Chí Minh không nhiều và do truyền thống tu tập theo Phật giáo nguyên thủy nên các sinh hoạt Phật giáo của người Khmer ở đây thường ít được đề cập đến và đôi khi thiếu vắng. Bài viết này trình bày hoạt động nhập thể của Phật giáo Nam tông Khmer tại Thành phố Hồ Chí Minh, nhằm khẳng định tính nhập thể theo truyền thống Phật giáo Nam tông trong bối cảnh hòa nhập với cộng đồng các dân tộc ở đô thị.

Từ khóa: Hoạt động, nhập thể, Phật giáo, Khmer, Tp. Hồ Chí Minh.

1. Đặt vấn đề

Mối quan hệ giữa đạo và đời là một chủ đề lớn thường được thảo luận trong các nghiên cứu về tôn giáo nói chung và Phật giáo nói riêng. Trong Phật giáo, xu hướng nhập thể là một thể hiện quan trọng, chi phối tôn chỉ hoạt động của các hệ phái.

Ở Việt Nam, Phật giáo Nam tông thường được gắn với tộc người Khmer ở khu vực Nam Bộ. Trong xu hướng nhập thể của Phật giáo ngày càng phát triển mạnh mẽ, góp phần làm cho xã hội phát triển theo định hướng nhân văn bền vững, Phật giáo Nam tông đã có những hoạt động tích cực để định hướng các giá trị sống cho các Phật tử nói riêng và người mến mộ Phật giáo nói chung.

* Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

Khi đề cập đến sinh hoạt tôn giáo của Phật giáo Nam tông ở Nam Bộ, các công trình nghiên cứu thường đề cập đến Phật giáo Nam tông của người Khmer tại miền Tây Nam Bộ do số lượng người Khmer tại Thành phố Hồ Chí Minh không nhiều nên các sinh hoạt Phật giáo của tộc người này tại đây thường ít được đề cập đến. Đa phần các công trình khi đề cập đến Phật giáo Nam tông thường coi đó là một nét trong bản sắc văn hóa tộc người. Yếu tố Phật giáo hòa quyện chặt chẽ với các yếu tố sinh hoạt văn hóa tinh thần¹.

Qua khảo sát nghiên cứu tại chùa Candaransī² ở Thành phố Hồ Chí Minh, người viết nỗ lực khẳng định tính nhập thế của hệ phái này và tìm hiểu các giá trị được chuyển tải qua các hoạt động nhập thế của Phật giáo Nam tông tại Thành phố Hồ Chí Minh, một thành phố năng động, đa dạng và có nhiều biến đổi. Xu hướng nhập thế của Phật giáo được thể hiện khá rõ trong hệ phái Phật giáo Nam tông ở Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, khác với hoạt động nhập thế của hệ phái Phật giáo Bắc tông³ vốn chú trọng chủ yếu đến các vấn đề “nóng” của xã hội, xu thế nhập thế của Phật giáo Nam tông phần nhiều vẫn chú trọng chuyển tải tính tộc người trong bối cảnh tộc người thiểu số đó đang hòa nhập ngày càng sâu rộng với cộng đồng dân tộc đa số.

2. Khái niệm nhập thế và các hoạt động nhập thế của Phật giáo Nam tông tại chùa Candaransī

Khái niệm Phật giáo nhập thế với nghĩa “Đạo Phật đi vào cuộc đời” (Engaged Buddhism) lần đầu tiên xuất hiện trên tựa đề một quyển sách do Thiền sư Nhất Hạnh xuất bản vào năm 1964 tại Việt Nam⁴. Theo Thiền sư Nhất Hạnh, Phật giáo nhập thế là “một loại Phật giáo hiện diện trong mỗi giây phút của đời sống thường ngày của chúng ta” và là “một loại Phật giáo đáp ứng với bất cứ điều gì đang xảy ra ở hiện tại”⁵. Tuy về mặt hình thức, mãi cho đến năm 1964, khái niệm Phật giáo nhập thế mới ra đời, nhưng xét về bản chất nhập thế là đi vào cuộc sống thì các hoạt động của Phật giáo Việt Nam đã thể hiện từ rất lâu như Thượng tọa Tiến sĩ Thích Tâm Đức đã phát biểu: “Nói đến tinh thần nhập thế của Phật giáo thì không phải đến bây giờ các thế hệ Phật giáo mới bắt đầu quan tâm. Nó được thể hiện ngay từ buổi đầu đất nước giành được độc lập”⁶. Trong thời đại mới, Thích Nhật Từ đã đưa ra nguyên lý nhập thế của Phật giáo đó là “bản chất có mặt của đạo Phật là sự nhập thế với phương châm mang lại lợi lạc, hạnh phúc, an vui cho loài người và cuộc đời... Phật

giáo tồn tại để phụng sự chúng sinh”⁷. Tác giả cũng phân tích sự khác biệt giữa quan niệm nhập thế của Phật giáo ở Ấn Độ với Trung Hoa và Việt Nam. Theo đó, ở Ấn Độ, người xuất gia được quan niệm là những người không màng tới những việc thuộc về cuộc đời. Nhập thế của Phật giáo ở Ấn Độ mang hình thái cổ truyền, chủ yếu là sự tương tác giữa đối tượng tâm linh và đối tượng có đầy đủ vật chất. Khi Phật giáo có mặt tại Trung Quốc, sự nhập thế diễn ra theo cách ảnh hưởng trực tiếp, dần thân vào các chức nghiệp và nghề nghiệp khác nhau. Theo truyền thống này, Phật giáo dần thân để mang “thông điệp” của Đức Phật hòa nhập cuộc sống xã hội với hai loại hình là nhập thế chính trị và nhập thế xã hội. Nhập thế về chính trị diễn ra ở người tại gia và cả xuất gia. Đối với người xuất gia, việc nhập thế thể hiện ở phương diện là trở thành cố vấn cho các nguyên thủ quốc gia. Ở Việt Nam, điển hình cho tinh thần nhập thế chính trị của Phật giáo là vị trí của các nhà sư thế kỷ VIII, IX, X, XI, rồi tư tưởng “cư trần lạc đạo”: kết hợp giữa đạo và đời của Vua Phật Trần Nhân Tông ở thế kỷ XIII và sự tự thiêu của Hòa thượng Thích Quảng Đức để phản đối chiến tranh ở thế kỷ XX.

Nhập thế về xã hội của Phật giáo gắn liền với các dịch vụ xã hội qua các hoạt động từ thiện (bố thí và cúng dường). Khi đề cập đến Phật giáo nhập thế xã hội, giới nghiên cứu thường đề cập đến hoạt động nhập thế của Phật giáo Bắc tông⁸ do hệ phái này có số lượng cơ sở thờ tự cũng như số lượng Phật tử nhiều hơn Phật giáo Nam tông⁹. Các công trình khi đề cập đến hoạt động nhập thế của Phật giáo chủ yếu theo các hướng tìm hiểu vai trò của Phật giáo trong bối cảnh hội nhập và toàn cầu hóa¹⁰, trong các vấn đề kinh tế, xã hội, định hướng giá trị sống ở Việt Nam¹¹; tìm hiểu bản chất nhập thế của Phật giáo trong mối quan hệ so sánh với “thế tục hóa”¹²; tìm hiểu bản chất nhập thế của Phật giáo trong lịch sử¹³. Có lẽ, sự nhập thế của Phật giáo Nam tông ít được đề cập đến do cách hiểu hệ phái này chịu ảnh hưởng của Phật giáo nguyên thủy ở Ấn Độ.

Trong bài viết này, với việc nghiên cứu hoạt động nhập thế của Phật giáo Nam tông tại chùa Candaransī, khái niệm Phật giáo nhập thế được dùng để chỉ sự dần thân của các tăng sĩ và Phật tử vào các hoạt động xã hội góp phần giải quyết những khủng hoảng, mâu thuẫn của xã hội và góp phần phát huy bản sắc tộc người Khmer.

Trong xu hướng nhập thế của Phật giáo, các chùa Phật giáo Bắc tông đã tổ chức nhiều khóa tu mùa hè để tạo ra “một kháng thể” cho các thanh

thiếu niên trước những tác động tiêu cực của xã hội đang phát triển mạnh mẽ như hiện nay. Mục đích của các khóa tu đó là góp phần vào sự nghiệp trồng người, tạo một không gian lành mạnh bổ ích cho các bạn trẻ vào dịp hè, tạo một nơi giúp các bạn trẻ giảm trừ và hoá giải căng thẳng, tu tâm thanh tịnh và đặc biệt là hoằng pháp cho giới trẻ (ví dụ như chùa Hoằng Pháp); tổ chức các lễ hằng thuận cho các đôi vợ chồng trẻ để có thêm mối liên kết về tâm linh cho một hôn nhân bền vững; tổ chức các hoạt động cầu siêu cho thai nhi bị phá bỏ, những người bị tai nạn giao thông để góp phần cảnh tỉnh xã hội trước những vấn nạn này; tổ chức các hoạt động từ thiện, tổ chức các trung tâm nuôi dạy trẻ mồ côi, khuyết tật để góp phần giảm thiểu những khó khăn và áp lực cho xã hội và nhiều hoạt động khác. Trong bối cảnh chung của xã hội, các hoạt động nhập thế của Phật giáo Nam tông Khmer cũng không nằm ngoài đường hướng chung này. Tuy nhiên, với đặc trưng là tôn giáo - dân tộc, hoạt động nhập thế của Phật giáo Nam tông Khmer mang một màu sắc khác thể hiện mạnh mẽ văn hóa tộc người.

Theo các nhà sư Nam tông tại chùa Chantaransī, nhập thế về khái niệm là mới, tuy nhiên, về bản chất là “từ thời Đức Phật tại thế đã có”, thể hiện qua việc đi “hoằng pháp” của Ngài và các vị thánh tăng để đem Phật pháp đến với nhân loại. Hoạt động nhập thế của Đức Phật thể hiện sự nhập thế theo quan niệm “để cứu độ cho mọi người trước tiên phải cứu độ cho bản thân”. Với quan niệm như vậy, Phật giáo Nam tông tại chùa Candaransī đã có nhiều hoạt động hướng đến việc chuyển tải các giá trị của Phật giáo vào đời sống của các Phật tử chứ không dành riêng cho những người đi tu. Các hoạt động nhập thế tại chùa chủ yếu là hoạt động từ thiện (cứu trợ lũ lụt, đóng góp cho nạn nhân động đất ở Nepal, cho áo quần, tiền và gạo cho người nghèo,...), các buổi “hoằng pháp” là các buổi giảng của các sư về các giá trị của cuộc sống với mục đích chủ yếu để “hạn chế Tham, Sân, Si”. Các buổi hoằng pháp này thường được tổ chức hai lần một tháng, vào dịp đầu và giữa tháng âm lịch và được thực hiện bằng tiếng Việt với các chủ đề “ứng dụng của Phật pháp và cuộc sống” như 38 pháp hạnh phúc, Phương pháp diệt khổ, Hạnh phúc gia đình, Phải biết thương mình, Bảy cái nhân để tránh khỏi tai họa, Người ta ở đâu rồi sẽ về đâu, Pháp tu của người cư sĩ tại gia, Quả phước của lời nói chân thật, Quả phước của từ bi, Quả phước của sự hiếu thảo, Quả phước của việc cúng cơm, Nhẫn nại, Sự an lành.... Vào các dịp Chôl Chnăm Thmây, Dâng y Kathina, Đôn ta, chùa sẽ tổ chức các buổi

sinh hoạt về ý nghĩa của các ngày lễ lớn này và nguồn gốc và phước báu của các nghi lễ được thực hiện bằng tiếng Việt và tiếng Khmer. Trước khi nghe thuyết pháp, Phật tử tụng kinh tam bảo, sám hối, thọ trì quy giới, thỉnh chư tăng cầu an và hành thiền. Chùa cũng tổ chức các lễ cầu siêu hồi hướng phước báu cho các đối tượng cụ thể như thai nhi, nạn nhân tai nạn giao thông, thiên tai lũ lụt vào dịp tết Chôl Chnăm Thmây hay khi Phật tử có nhu cầu. Riêng đối với lễ hằng thuận, chùa không thường xuyên tổ chức vì trong văn hóa Khmer vốn dĩ hôn nhân chỉ có ý nghĩa khi có sự cầu chúc của các sư và do vậy trong các đám cưới đã luôn có sự cầu chúc của các sư tại gia đình. Người tham dự vào các hoạt động nhập thế ở chùa là Phật tử và người dân thuộc tộc người Khmer, Kinh và Hoa ở đủ các lứa tuổi, nhưng nhiều nhất vẫn là các nữ Phật tử tuổi trung niên. Một phụ nữ người Kinh cho biết lý do tham gia vào các hoạt động tại chùa: “Tôi là người Việt, sinh sống ở quận 3 này. Gia đình tôi ai cũng đi chùa Candarasī. Tôi đi chùa lúc đầu là đi theo mọi người nhưng sau đó thấy đi chùa nhận được sự an lạc, hạnh phúc do các Thầy nói điều hay lẽ phải, hướng mình đến làm những điều hay, tôi kêu các con cháu tôi cùng đi chùa và làm Phật tử tại đây. Đủ duyên tôi mới về với sư, sống theo lời sư. Đi chùa tôi mới thấy hạnh phúc là do tự thân mình. Có việc gì thì nhờ sư giải đáp. Có thể nói sư là nhà tư vấn tâm lý. Xã hội có người tốt người xấu. Con người ai cũng có cái thiện cái ác. Đi chùa nghe theo các lời sư giảng mình thấy tất cả mọi việc đều nhẹ nhàng. Chùa của người Khmer nhưng tôi vẫn đi vì không thấy khác gì cả. Sư coi mọi người như nhau. Mình còn hiểu thêm về văn hóa Khmer, thấy họ cũng như mình” (Phỏng vấn nữ Phật tử chùa Candaransī, 56 tuổi).

Như vậy, Phật giáo Nam tông Khmer không chỉ hoạt động về mặt tâm linh mà trong bối cảnh xã hội hiện đại đã có những hoạt động nhập thế nhằm định hướng các giá trị xã hội hướng con người tới những giá trị tốt đẹp và nhân văn như lời Đức Phật dạy. Các hoạt động nhập thế chủ yếu diễn ra trong phạm vi xã hội, nhấn mạnh công tác từ thiện và hoằng pháp. Nhập thế theo cách hiểu của Phật giáo Nam tông là việc đem những lời của Đức Phật dạy đi vào đời sống, giúp cho con người có một chỗ dựa, một niềm tin để tồn tại một cách đúng đắn trong cuộc sống. Bên cạnh hoạt động nhập thế này, đặc trưng nổi bật của hoạt động nhập thế của Phật giáo Nam tông Khmer là việc bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa tộc người và quá trình hòa hợp tộc người.

3. Hoạt động nhập thế và bảo tồn bản sắc văn hóa tộc người ở chùa Candaransī

Với cách hiểu chùa có nghĩa là một vườn hoa (Āramā), một công viên có các thầy tu nên những gì đẹp nhất, bản sắc nhất của văn hóa tộc người Khmer đều được thể hiện ở chùa và các nhà sư là người có vai trò gìn giữ cái đẹp đó. Kiến trúc chùa dù ở bối cảnh điều kiện nào cũng được trang trí lộng lẫy, được thếp vàng và được trang trí bằng các mô típ truyền thống gắn với Phật giáo Nam tông của người Khmer. Chẳng hạn, các tháp được xây theo kiểu Angkor, các mô típ trang trí là rắn thần naga, hoa lá, cành sen, cánh sen, hình lá đa, ngọn sóng, áng mây, các đầu đao cong, các bức bích họa miêu tả tích Phật từ lúc hoàng hậu Maya nằm mộng sinh ra thái tử đến lúc Phật Thích Ca nhập Niết Bàn xung quanh tường và trên trần ngôi chánh điện của chùa... Cũng như các chùa ở những nơi khác, chùa Candaransī là trung tâm diễn ra các hoạt động văn hóa gắn liền với dân tộc Khmer như: sinh hoạt văn nghệ dân gian, biểu diễn dàn nhạc ngũ âm và các điệu múa dân tộc. Dàn nhạc ngũ âm là một nét văn hóa mang đậm bản sắc của dân tộc Khmer. Tiếng nhạc réo rất luôn đồng hành với các sự kiện lớn diễn ra tại chùa. Chùa có riêng đội văn nghệ Khmer, ngoài việc phục vụ cho các lễ hội ở chùa, đội văn nghệ này còn phục vụ các dịp lễ hội của thành phố và các quận trong thành phố; đặc biệt đội văn nghệ này còn đại diện cho thành phố tham gia Ngày hội Văn hóa - Thể thao và Du lịch Khmer Nam Bộ. Thông qua việc tổ chức các lễ hội truyền thống tại chùa, chư tăng hướng dẫn và giới thiệu về văn hóa Khmer cho đồng bào Phật tử là người Khmer, Kinh, Hoa,... Chùa quảng bá văn hóa, lễ hội truyền thống trên các phương tiện truyền thông đại chúng qua các hình thức dựng phim về các lễ hội truyền thống đưa lên mạng youtube, viết bài đưa lên báo mạng và báo in như các trang phatgiaio.org.vn, giacongo.vn, và phattuvietnam.net, mời các đài truyền thông đưa tin về các lễ hội, sự kiện được tổ chức tại chùa... Bên cạnh đó, chùa còn biên soạn, biên dịch những phong tục, văn hóa lễ hội truyền thống của tộc người Khmer sang tiếng Việt. Các chư tăng và các Phật tử sinh hoạt tại chùa đã khái quát “chùa Kinh về mặt văn hóa không diễn ra nhiều như ở chùa của người Khmer”. Với vai trò là “trung tâm văn hóa tinh thần của người Khmer”, trong làn sóng di cư từ nông thôn đến thành thị của người Khmer, chùa là nơi đỡ đầu, cung cấp nơi ăn chốn ở ban đầu cho con em người Khmer đi học và đi làm. Vào những dịp lễ tết, cộng đồng người Khmer trong khu vực Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh

lân cận như Đồng Nai, Bình Dương cũng tụ hội về chùa để đắm mình trong những sinh hoạt văn hóa tôn giáo, tìm về với bản sắc văn hóa tộc người, nuôi dưỡng và lưu truyền yếu tố văn hóa đó qua các thế hệ và để có một niềm tin trong cuộc sống đầy biến động.

Với mục tiêu hướng về văn hóa dân tộc, bên cạnh việc dạy Phật pháp, chùa còn chú trọng các lớp dạy tiếng Khmer. Các lớp học ở chùa hiện nay bao gồm: lớp Pali ngữ (văn phạm Pali, dịch Pali – Khmer, Lịch sử đức Phật và Thánh Tăng, chính tả, toán, tập làm văn, vi diệu pháp), lớp Kinh luận giới (Lịch sử đức Phật, Kinh, Luật, Luận, Tập làm Văn, Chính tả, Vi diệu pháp), lớp Khmer ngữ (trình độ từ lớp 1 đến lớp 5 dành cho những người muốn học chữ Khmer), lớp Khmer song ngữ (lớp cơ bản và song ngữ Khmer - Việt), lớp giáo lý (luật cư sĩ, học kinh lễ bái tam bảo - dành cho Phật tử), lớp vi diệu pháp (dành cho cư sĩ, Phật tử thuần thành, nghiên cứu sâu về Phật pháp). Chùa có chi hội văn hóa - ngôn ngữ Khmer Tp. HCM (trực thuộc Hội Văn học - Nghệ thuật các dân tộc thiểu số Tp. HCM) thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu và biên soạn các tài liệu về văn hóa Khmer, văn học Khmer, soạn từ điển, giáo trình Khmer - Việt.

Tóm lại, tuy hoạt động dựa trên nguyên lý nguyên thủy của Phật giáo nhưng trong bối cảnh xã hội hiện đại, hệ phái Nam tông ở Thành phố Hồ Chí Minh đã thể hiện tư tưởng nhập thế theo hướng dần thân vào các hoạt động xã hội như một cách thức để tồn tại và phát triển đạo pháp. Tuy nhiên, do là một tôn giáo có phạm vi ảnh hưởng trong tộc người Khmer nên xu hướng nhập thế để bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Khmer hiện đang chiếm vai trò chủ đạo. Xu hướng này đang góp phần giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Khmer và hòa hợp tộc người trong bối cảnh đô thị hiện đại./.

CHÚ THÍCH:

- 1 Xem: Trần Văn Bồn (2002), *Phong tục và lễ nghi vòng đời người Khmer Nam Bộ*, Nxb. Đại học Quốc gia, Hà Nội; Đoàn Thanh Nô (2002), *Người Khmer ở Kiên Giang*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội; Trịnh Thanh Hà (2002), *Phật giáo Theravada trong đời sống văn hóa tinh thần của cộng đồng người Khmer Nam bộ tỉnh Sóc Trăng*, Luận văn thạc sĩ; Đặng Thị Kim Oanh (2007), *Hôn nhân và gia đình người Khmer ở đồng bằng sông Cửu Long*, Luận án tiến sĩ; Nguyễn Mạnh Cường (2008), *Phật giáo Khmer Nam Bộ - Những vấn đề nhìn lại*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội; Lê Minh Hải (2013), *Triết lý nhân sinh của Phật giáo Nam tông và ảnh hưởng của nó đối với đời sống tinh thần của cộng đồng người Khmer ở Kiên Giang*, Luận văn thạc sĩ; Viện Nghiên cứu Tôn giáo và Học viện

- Phật giáo Nam tông Khmer (2014), *Phật giáo Nam tông Khmer đồng hành cùng dân tộc*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học, Kiên Giang.
- 2 Ở Thành phố Hồ Chí Minh, Phật giáo Nam tông có cả Phật tử người Kinh và người Khmer. Chùa có nhiều Phật tử người Khmer là chùa Candaransī (quận 3) và Potivong (quận Tân Bình); chùa có nhiều Phật tử người Việt là chùa Kỳ Viên (quận 3), Phật Bảo (Tân Bình), Nguyên Thủy (quận 2), Pháp Quang (Bình Thạnh), Phổ Minh (Gò Vấp), và chùa Từ Quang (Gò Vấp). Chùa Candaransī được xây dựng vào năm 1948 do một hòa thượng quê gốc Phnom Penh có pháp danh Việt là Phạm Trang cùng các chư ni Phật tử người Khmer sinh sống quanh vùng đất Sài Gòn - Gia Định xưa. Hiện nay, chùa tọa lạc tại đường Hoàng Sa ở phường 7, quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Trụ trì hiện tại là Thượng tọa Danh Lung. Tên của chùa có nghĩa là ánh trăng, thể hiện sự soi rọi, thấu hiểu tâm linh của con người (Nguồn: phỏng vấn các sư ở chùa Candaransī).
 - 3 Trong môi trường Phật giáo hòa hợp hoạt động trong khuôn khổ Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Phật giáo Nam tông Khmer Nam Bộ có thể được phân biệt với Phật giáo Bắc tông về giới luật (Phật giáo Nam tông giữ nguyên giới luật với 227 giới và Sadi 30 điều và tụng bằng âm Pāli trong khi Phật giáo Bắc tông có thêm giới luật và tụng kinh bằng âm Hán - Việt), về sinh hoạt hằng ngày (các sư Phật giáo Nam tông chỉ dùng bữa sáng, trưa và dùng cả chay, mặn trong khi Phật giáo Bắc tông ăn các buổi trong ngày và ăn chay), về đối tượng thờ phụng (Phật giáo Nam tông chỉ thờ Phật Thích Ca, trong khi Phật giáo Bắc tông thờ nhiều vị hơn như ngoài thờ Phật còn thờ Quán Thế Âm Bồ tát, Dược sư, các vị thánh tăng... (Phỏng vấn các sư Nam tông tại chùa Candaransī).
 - 4 Đó là quyển sách “Engaged Buddhism” tập hợp các bài viết của Thiền sư Thích Nhất Hạnh viết trước đó.
 - 5 Ví dụ, sự ấm lên toàn cầu, biến đổi khí hậu, sự phá hủy hệ sinh thái. Xem: Thích Nhất Hạnh (2008), “History of Engaged Buddhism: A Dharma Talk by Thich Nhat Hanh”, Hanoi, Vietnam, May 6-7, 2008, *Human Architecture: Journal of the Sociology of Self-Knowledge*, Vol. 6: Iss. 3, Article 7: 31)
 - 6 Lê Mạnh Thát, Thích Nhật Từ (2008), *Phật giáo nhập thế và phát triển*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội: 2.
 - 7 Lê Mạnh Thát, Thích Nhật Từ (2008), *Phật giáo nhập thế và phát triển*, sđd: 16.
 - 8 Lê Mạnh Thát, Thích Nhật Từ (2008), *Phật giáo nhập thế và phát triển*, sđd: 26 - 34.
 - 9 Tính đến tháng 6/2015, Giáo hội Phật giáo Việt Nam có 63/63 Ban Trị sự Phật giáo cấp tỉnh, thành; 14.775 cơ sở thờ tự (trong đó 452 ngôi chùa của Phật giáo Nam tông, 44.498 Tăng Ni (trong đó Bắc tông có 32.165 vị, Nam tông có 9.379 vị, Khất sĩ có 2.954 vị) và trên 10.000.000 tín đồ được phân bố trên phạm vi toàn quốc. Phật giáo Nam tông tập trung chủ yếu ở 9 tỉnh thành của đồng bằng sông Cửu Long bao gồm Trà Vinh, Vĩnh Long, Cần Thơ, An Giang, Kiên Giang, Bạc Liêu, Sóc Trăng, Cà Mau (Nguồn: Minh Nga. “Đôi nét về Phật giáo và Giáo hội Phật giáo Việt Nam” và “Giới thiệu sơ lược về Phật giáo Nam tông Khmer”. www.btgcp.gov.vn (Trang tin điện tử của Ban Tôn giáo Chính phủ).
 - 10 Đỗ Quang Hưng (2006), “Phật giáo Việt Nam trong bối cảnh hội nhập và toàn cầu hóa”, *Khoa học Xã hội*, số 9: 58 - 66.
 - 11 Xem: Tạ Chí Hồng (1998), *Đạo đức Phật giáo và ảnh hưởng của nó với đời sống tinh thần của người Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ; Nguyễn Thị Cẩm Chi

- (2011), *Ảnh hưởng của Phật giáo đối với đạo đức lối sống của người Việt ở tỉnh Long An hiện nay*, Luận văn thạc sĩ; Trần Hồng Liên (2007), “Chức năng của Phật giáo đối với vấn đề kinh tế”, *Khoa học Xã hội*, số 9-10: 81-89; Trần Hồng Liên (2008), “Chức năng của Phật giáo đối với vấn đề xã hội” *Khoa học Xã hội*, số 5: 55-65; Trần Hồng Liên (2010), *Tìm hiểu chức năng xã hội của Phật giáo Việt Nam*, Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh
- 12 Xem: Đỗ Quang Hưng (2006), “Phật giáo Việt Nam trong bối cảnh hội nhập và toàn cầu hóa”, *Khoa học Xã hội*, số 9; Đới Thần Kinh (Trần Nghĩa Phương dịch, 2007), “Thế tục hóa và thần thánh hóa”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 4:11-17.
- 13 Xem: Nguyễn Tài Đông (2008), “Việt Nam hóa Phật giáo ở Trần Nhân Tông”, *Triết học*, số 12: 38-46; Nguyễn Tài Thư (2009), “Xu hướng nhập thế trong tư tưởng Phật giáo Trần Nhân Tông”, số 11; Nguyễn Thị Toan (2010), *Tinh thần nhập thế trong tư tưởng Phật giáo của Trần Nhân Tông*, Luận văn thạc sĩ; Trương Văn Chung (chủ biên) và các tác giả (2014), *Phật giáo nguyên thủy từ truyền thống đến hiện đại*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Văn Bồn (2002), *Phong tục và lễ nghi vòng đời người Khmer Nam Bộ*, Nxb. Đại học Quốc gia, Hà Nội.
2. Nguyễn Thị Cẩm Chi (2011), *Ảnh hưởng của Phật giáo đối với đạo đức lối sống của người Việt ở tỉnh Long An hiện nay*, Luận văn thạc sĩ.
3. Christopher S. Queen, Sallie B. King (eds.) (1996), *Engaged Buddhism: Buddhist Liberation Movements in Asia*, State University of New York Press.
4. Christopher. S. Queen (ed.) (2000), *Engaged Buddhism in the West*, Wisdom Publication.
5. Trương Văn Chung và các tác giả (chủ biên) 2014. *Phật giáo nguyên thủy từ truyền thống đến hiện đại*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội.
6. Nguyễn Mạnh Cường (2008), *Phật giáo Khmer Nam Bộ - Những vấn đề nhìn lại*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
7. Nguyễn Tài Đông (2008), “Việt Nam hóa Phật giáo ở Trần Nhân Tông”, *Triết học*, số 12: 38 - 46.
8. Trịnh Thanh Hà (2002), *Phật giáo Theravada trong đời sống văn hóa tinh thần của cộng đồng người Khmer Nam Bộ tỉnh Sóc Trăng*, Luận văn thạc sĩ.
9. Lê Minh Hải (2013), *Triết lý nhân sinh của Phật giáo Nam tông và ảnh hưởng của nó đối với đời sống tinh thần của cộng đồng người Khmer ở Kiên Giang*, Luận văn thạc sĩ.
10. Tạ chí Hồng (1998), *Đạo đức Phật giáo và ảnh hưởng của nó với đời sống tinh thần của Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ.
11. Đỗ Quang Hưng (2006), “Phật giáo Việt Nam trong bối cảnh hội nhập và toàn cầu hóa”, *Khoa học Xã hội*, số 9: 58 - 66.
12. Đới Thần Kinh (2007), “Thế tục hóa và thần thánh hóa”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 4: 11 - 17.
13. Trần Hồng Liên (2007), “Chức năng của Phật giáo đối với vấn đề kinh tế”, *Khoa học Xã hội*, số 9-10: 81 - 89.
14. Trần Hồng Liên (2008), “Chức năng của Phật giáo đối với vấn đề xã hội”, *Khoa học Xã hội*, số: 55 - 65.

15. Trần Hồng Liên (2010), *Tìm hiểu chức năng xã hội của Phật giáo Việt Nam*, Nxb. Tổng hợp Tp. HCM.
16. Nhat Hanh, Thich (2008), “History of Engaged Buddhism: A Dharma Talk by Thich Nhat Hanh”, Hanoi, Vietnam, May 6-7, 2008, *Human Architecture: Journal of the Sociology of Self-Knowledge*, Vol. 6: Iss. 3, Article 7.
17. Đoàn Thanh Nô (2002), *Người Khmer ở Kiên Giang*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
18. Đặng Thị Kim Oanh (2002), *Hôn nhân và gia đình người Khmer ở đồng bằng sông Cửu Long*, Luận án tiến sĩ.
19. Thích Trí Quảng (2008), *Phật giáo nhập thế và phát triển*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
20. Nguyễn Thị Toan (2010), *Tinh thần nhập thế trong tư tưởng Phật giáo của Trần Nhân Tông*, Luận văn thạc sĩ.
21. Lê Mạnh Thát và Thích Nhật Từ (2008), *Phật giáo nhập thế và phát triển*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
22. Viện Nghiên cứu Tôn giáo và Học viện Phật giáo Nam tông Khmer (2014), *Phật giáo Nam tông Khmer đồng hành cùng dân tộc*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học, Kiên Giang.
23. www.btgcp.gov.vn (Trang tin điện tử của Ban tôn giáo chính phủ).

Abstract

THE INCARNATION ACTIVITIES OF THE THERAVADA OF KHMER PEOPLE IN HỒ CHÍ MINH CITY

The Theravada in Vietnam attached to Khmer people in the South. In the common tendency of the Buddhism's incarnation, the Theravada in the South has had many positive activities in order to orient the Buddhists in particular and people who love Buddhism in general towards the value of life. Nevertheless, studying the religious activities of the Theravada, the previous research generally mentioned the South West region of Vietnam and it rarely indicated the Hồ Chí Minh city because the number of Khmer people there is small and the traditional practice of their Theravada. This article presents the incarnation activities of the Theravada of Khmer people in Hồ Chí Minh city and it confirms the traditional incarnation of the Theravada in the context of integration with other ethnic communities in the urban area.

Keywords: Activity, incarnation, Buddhism, Khmer, Hồ Chí Minh city.